

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
V/v Ly hôn, nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhung và bà Phan Thị Bích

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền – Thư ký Tòa án tỉnh Hòa Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/8/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975. HKTT: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Chỗ ở hiện nay: Số nhà 187, tổ 3, phường P, TP H, tỉnh Hòa Bình.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị D, sinh năm 1974. HKTT: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Chỗ ở: xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang sinh sống tại Đài Loan.

Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà D vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại lời khai trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H và bà Bùi Thị D kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2014 đến nay ông H bà D đã sống ly thân, đến năm 2019 bà D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng không quan tâm, không liên lạc với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không

thể hàn gắn được. Nay ông H không còn tình cảm với bà D nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 27/7/1997 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 12/9/2006. Đối với cháu Khải đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không đề nghị giải quyết. Đối với cháu H, ông Hải khi ly hôn xin được nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh đối với gia đình bà Bùi Thị D (Ông Bùi Văn S; bà Bùi Thị H, ông Đình Công A, bà Bùi Thị C là anh trai, em gái, anh rể, chị dâu của bà D) cho biết: Bà D sau khi kết hôn với ông H có sinh sống ở xóm C, xã M, huyện T được một vài năm thì về Kim Bôi quê của ông H sống. Đến năm 2018 bà D trở về xóm C, xã M sống và đi xuất khẩu tại Đài Loan. Địa chỉ cụ thể của bà D ở Đài Loan gia đình họ hàng không ai biết. Bà D có liên lạc về gia đình thông qua mạng xã hội Zalo. Cuộc sống vợ chồng giữa ông H bà D không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 12/8/2024 đối với bà Bùi Thị D (Thông qua mạng xã hội Zalo từ máy điện thoại của chị Bùi Thị Y - là con gái ông S) bà D trình bày: Do công việc của bà D ở Đài Loan nay đây mai đó, không có địa chỉ rõ ràng nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Về mâu thuẫn vợ chồng là do ông H không chung thủy và vợ chồng sống ly thân được khoảng 10 năm, tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng. Bà D đi xuất khẩu lao động năm 2019 đến nay chưa về Việt Nam, nay bà D đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông H theo quy định của pháp luật.

Đại diện xóm C, xã M, huyện T cho biết: Trước khi đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan năm 2019, bà D có sinh sống ở xóm C, xã M, huyện T. Về mâu thuẫn vợ chồng chính quyền địa phương không nắm được, chỉ biết vợ chồng ông H, bà D sống không hạnh phúc nên ông H có làm đơn ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Ngọc H – Con đẻ ông H bà D cho biết: Hiện cháu H đang được ông H nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Về mâu thuẫn thì ông H bà D đã sống ly thân hơn 10 năm, không ai quan tâm đến ai nay ly hôn, cháu H có nguyện vọng được ở với ông H.

Tại Công văn số 859/PA08 ngày 21/8/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Hòa Bình cho biết: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1975 đã được cục quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu C7036359, ngày 27/3/2019 và sử dụng hộ chiếu trên để xuất cảnh qua sân bay Nội Bài ngày 10/4/2019, chưa có thông tin nhập cảnh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Bùi Thị D theo quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên bà D đã không có mặt tại địa phương, do vậy Tòa án phải niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, vì bị đơn không có mặt tại địa phương, do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Ngày 12/9/2024 vụ án được đưa ra xét xử, bị đơn bà D vắng mặt nên phiên tòa phải hoãn lần thứ nhất. Hôm nay bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Bùi Thị D. Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn H khởi kiện xin ly hôn với bà Bùi Thị D. Hiện bà D đang sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Tại phiên tòa ông H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt bà D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt. Căn cứ Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy áp dụng theo công Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Bùi Thị D. Mặc dù biết việc triệu tập nhưng bà D không tới Tòa án để giải quyết. Theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đương sự phải có nghĩa vụ tôn trọng Tòa án, phải có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy bà D đã từ bỏ quyền lợi của mình về việc được nêu quan điểm, ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh. Theo Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án chỉ căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu mà Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị D kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và lối sống. Từ năm 2014 vợ chồng đã sống ly thân, hiện bà D đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, vợ chồng tình cảm không còn, không ai quan tâm đến ai. Như vậy mâu thuẫn giữa ông H và bà D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn bà Bùi Thị D.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Nguyễn Văn L, sinh ngày 27/7/1997 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 12/9/2006. Hội đồng xét xử xét thấy đến tại thời điểm xét xử ngày 27/9/2024 thì cả cháu L và cháu H đã trên 18 tuổi, nên Tòa không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 464; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Bùi Thị D.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được đối trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình theo biên lai số 0003952, ngày 01/8/2024. Xác nhận ông H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bà D có quyền kháng cáo với thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- UBND xã M, T, HB;
- Xóm C, M, T, HB ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đinh Trường Sơn

